

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 7- 2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Vinh

Bà Đào Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Thuộc trường hợp Kiểm sát viên không tham gia.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 24/01/2003

Địa chỉ: Ấp TN, xã T H, huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông WANG H, sinh ngày 18/4/1967

Địa chỉ: Số 173, lộ Lâm Sâm, khóm 017, phường Công Chính, thị trấn La Đông, huyện Nghi Lan, Đài Loan.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc N trình bày:

Vào tháng 7 năm 2022, bà N được giới thiệu, quen với ông WANG H, sau thời gian tìm hiểu cả hai phát sinh tình cảm nên quyết định tiến đến hôn nhân. Ông, bà tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/9/2022. Sau khi kết hôn ông bà sống cùng nhau tại Việt Nam khoảng 01 tuần thì ông WANG H trở về Đài Loan. Bà N có

sang Đài Loan 05 ngày thì trở về Việt Nam do sức khỏe không hợp thời tiết. Sau đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, sự khác biệt về văn hóa, đặc biệt là sau khi bà N trượt phồng vắn thì mâu thuẫn của vợ chồng càng nghiêm trọng, cả hai không còn quan tâm nhau, tình cảm phai nhạt dần. Hiện tại ông WANG H sống tại Đài Loan, bà N sống tại Việt Nam, ông bà không còn tình cảm yêu thương nhau. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N khởi kiện ông WANG H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông WANG H.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- **Bị đơn ông WANG H trình bày:** Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà Trần Thị Ngọc N về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng; đồng thời xác định không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Ông WANG H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc N và bị đơn ông WANG H đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc N:

Qua các tài liệu, chứng cứ thể hiện bà N và ông WANG H được mai mối nên quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau và tự nguyện kết hôn, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 13/9/2022. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa bà Trần Thị Ngọc N với bị đơn ông WANG H là hợp pháp.

Bà Trần Thị Ngọc N và ông WANG H đều thống nhất xác định, quá trình chung sống do hai bên bất đồng do không hiểu ngôn ngữ, khác biệt về văn hóa nên thường phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, mục đích hôn nhân không hạnh phúc. Hiện tại cả hai đều không còn quan tâm lẫn nhau, không có khả năng hàn gắn nên đều có nguyện vọng được ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa Bà Trần Thị Ngọc N và ông WANG H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc N.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc N và ông WANG H xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc N và ông WANG H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc N được ly hôn với ông WANG H.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp, theo biên lai thu tiền số 0009753 ngày 01/6/2003 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Ngọc N và ông WANG H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Út Mẫn